



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnng.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1269/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được lập ngày 08/08/2010 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 31. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Trần Thị Phương Lan

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Phương Lan

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Phương Lan

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0396/KTV

Báo cáo này được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính và các Thuyết minh báo cáo đính kèm

1010072
VGT
H.H
TOÁN
TOÁN
P.ĐP



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	28	644.430.143.064	216.860.593.906
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	44.048.648	723.067.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	28	644.386.094.416	216.137.526.056
4. Giá vốn hàng bán	11	29	561.825.030.092	196.964.592.389
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		82.561.064.324	19.172.933.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.320.663.855	2.772.198.214
7. Chi phí tài chính	22	31	10.833.215.853	7.128.395.201
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.555.253.032	6.953.568.861
8. Chi phí bán hàng	24		2.430.945.108	3.899.344.538
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.956.626.067	5.366.566.316
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.660.941.151	5.550.825.826
11. Thu nhập khác	31	32	1.684.748.653	382.833.839
12. Chi phí khác	32	33	796.339.285	402.885.347
13. Lợi nhuận khác	40		888.409.368	(20.051.508)
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	34	60.549.350.519	5.530.774.318
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	15.199.955.222	562.375.409
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	9.042.416	9.942.416
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	34	45.340.352.881	4.958.456.493
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.029.019.678	264.460.047
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		44.311.333.203	4.693.996.446
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.522,73	161,34

Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 08 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Trần Thị Tinh Tú